

Bản án số: 88/2022/HS-PT.

Ngày: 19-9-2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Định.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Trần Thị Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19-9-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 69/2022/TLPT-HS ngày 11-7-2022 đối với bị cáo Lê Hồng K do có kháng cáo của bị cáo K và các bị cáo Phạm Thị N, Quách Trường S do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 07-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện K tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo kháng cáo: Lê Hồng K, sinh năm 1981, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Trúc L và hai người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án: Ngày 08/6/2018, có hành vi đánh bạc bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 04 năm, kể từ ngày 08/6/2018, theo bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST, ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng (chưa chấp hành xong thời gian thử thách); Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/8/2021 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Phạm Thị N, sinh năm 1976, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị Đ; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn Đ và ba người con, lớn sinh

năm 2001, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/8/2021 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Quách Trường S, sinh năm 1983, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách Văn T và bà Nguyễn Thị Lê H; Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị T và một người con sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 21/8/2020, có hành vi đánh bạc trái phép, bị Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng, theo Quyết định số 94 ngày 04/9/2020 (Chưa được xóa tiền sự); Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/8/2021 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:*

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp Số 1, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Lê Văn L, sinh năm 1981, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp 19/5, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Trần Thanh L, sinh năm 1978, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông Trần Phước H, sinh năm 1955, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1982, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

7. Ông Lê Văn V, sinh năm 1979, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bà Diệp Thị Hồng C, sinh năm 1966, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

9. Ông Trang Hoàng L, sinh năm 1969, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp 19/5, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

10. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

11. Bà Phạm Thị Tuyết T, sinh năm 1973.

12. Ông Nguyễn Nhựt H, sinh năm 2001.

13. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1950

14. Ông Lữ Tặc L, sinh năm 1959

Cùng nơi cư trú: Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

15. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1983

16. Ông Trần Văn S, sinh năm 1978

Cùng nơi cư trú: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

17. Ông Hà Thanh P, sinh năm 1988, nơi cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

18. Ông Nguyễn Hùng L, sinh năm 1982, nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

19. Ông Nguyễn Chiến T, sinh năm 1979, nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

20. Ông Trần Chế L, sinh năm 1970, nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

21. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/6/2021, Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện K kết hợp Phòng Cảnh sát hình sự (PC02) Công an tỉnh Sóc Trăng và Công an xã K, tiến hành kiểm tra nhiều đối tượng tập trung tham gia chơi lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền tại nhà vợ chồng ông Nguyễn Văn Đà và bà Phạm Thị N, ngụ Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, phát hiện có nhiều người tham gia lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền, nên lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản kiểm tra và tạm giữ những đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ việc đánh bạc như sau:

*\*Kiểm tra xung quanh khu vực đánh bạc tạm giữ:*

- 03 (ba) hột xí ngầu được gói lại bằng tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 (một) chiếc chiếu lát đã qua sử dụng; 01 (một) túi ni long bên trong có 03 (ba) hột xí ngầu và 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 03 (ba) hột xí ngầu; 01 (một) chiếc khăn màu xanh có kích thước 25 x 50 cm; 03 (ba) hột xí ngầu, 01 (một) chén sứ màu trắng có kích thước 10 x 03 cm, 01 (một) hộp bằng nhựa hình trụ, bên trong màu đỏ, bên ngoài màu sọc trắng, đen có kích thước 07 x 05 cm; 03 (ba) hột xí ngầu được gói lại bằng tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 03 (ba) hột xí ngầu được gói lại bằng tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 (một) bốp da màu đen; Số tiền 1.225.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

*\*Kiểm tra, tạm giữ trên người, gồm:*

01. Lê Hồng K (không tạm giữ gì); 02. Lê Văn L (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, số tiền 14.560.000 đồng, 01 xe gắn máy biển kiểm soát 83PT- 063.27); 03. Trang Hoàng Liêm (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu xanh); 04. Nguyễn Văn D (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, số tiền 10.000 đồng); 05. Trần Phước H (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen); 06. Lê Văn V (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng, số tiền 26.300.000 đồng trong túi quần, số tiền 10.770.000 đồng trong bóp, 01 xe mô tô biển kiểm soát 83C1- 206.77); 07. Nguyễn Minh Đ (tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng, 01 xe mô tô biển kiểm soát 83P2- 932.15); 08. Trần Thanh L (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, số tiền 15.000.000 đồng); 09. Quách Trường S (không tạm giữ gì); 10. Nguyễn Văn M (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh); 11. Diệp Thị Hồng C (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, số tiền 102.000 đồng); 12. Phạm Thị N (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số tiền 1.221.000 đồng); 13. Nguyễn Nhật Hào (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO); 14. Trần Quốc T (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số tiền 2.600.000 đồng); 15. Trần Văn S (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung); 16. Hà Thanh P (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số tiền 1.340.000 đồng); 17. Nguyễn Hùng L (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số tiền 9.420.000 đồng); 18. Nguyễn Chiến T (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số tiền 4.400.000 đồng); 19. Nguyễn Văn Đ (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, số tiền 1.266.000 đồng); 20. Lữ Tặc L (tạm giữ số tiền 100.000 đồng); 21. Trần Chế L (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số tiền 23.600.000 đồng trên người, số tiền 2.500.000 đồng trong ví ); 22. Nguyễn Văn T (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số tiền 2.090.000 đồng); 23. Nguyễn Văn X (không tạm giữ gì); 24. Phạm Thị Tuyết T (tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu vàng, số tiền 370.000 đồng).

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu chứng cứ thu được, đã xác định vào ngày 08/6/2021, có 11 bị cáo gồm: Lê Hồng K, Lê Văn L, Trang Hoàng Liêm, Nguyễn Văn D, Nguyễn Minh Đ, Quách Trường S, Nguyễn Văn M, Trần Thanh L, Lê Văn V, Trần Phước H, Diệp Thị Hồng C đến nhà vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và Phạm Thị N ở Ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để tham gia chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền. Ngày 08/6/2021, khi chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền, V hùn tiền với Trần Thanh L là người làm cái và cầm chén lắc hột tài xỉu, V là người cầm tiền để chung, chi tiền ăn, thua trên chiếu bạc, V bỏ ra số tiền vốn trước 5.000.000 đồng để chơi tài xỉu, chơi được khoảng 30 phút thì ăn được 2.070.000 đồng, V giữ số tiền ăn được. Sòng tài xỉu do bị cáo Phạm Thị N là người tổ chức và lấy tiền xâu, hình thức lấy tiền xâu được quy định là khi nào nhà cái lắc bảo thì sẽ chia đôi tiền ăn được với người cầm cái lắc. Việc sòng tài xỉu tổ chức chơi tại nhà, ông Đ thấy và có nói với vợ (bị cáo N) không cho tổ chức chơi tài xỉu trong nhà, còn vợ ông Đ (bị cáo N) có tổ chức, lấy xâu như thế nào thì ông Đ không biết.

Hình thức chơi tài xỉu được quy định: Trước mặt người làm cái lắc để 01 gói thuốc nhãn hiệu Jet, quy định phía bên phải gói thuốc là tài, phía bên trái gói thuốc là xỉu, lắc 03 hột xí ngẫu mà tổng số nút 03 hột quay lên từ 10 nút trở xuống là xỉu, từ 11 nút trở lên là tài; trường hợp lắc 03 hột xí ngẫu mà 03 mặt quay lên có cùng số nút được gọi là bảo, nếu bảo xỉu (tổng số nút 03 mặt quay lên là 03, 06, 09) thì ăn tài và huề tiền với xỉu, nếu bảo tài (tổng số nút 03 mặt quay lên là 12, 15, 18) thì ăn xỉu và huề tiền với tài. Chiếc chiếu lát đã qua sử dụng dùng để ngồi chơi tài xỉu là chiếc chiếu trong nhà của bị cáo N mà bị cáo Trần Thanh Lầy trải ra để chơi, dụng cụ dùng để chơi tài xỉu bao gồm 03 (ba) hột xí ngẫu, 01 (một) chén sứ màu trắng có kích thước 10 x 03 cm, 01 (một) hộp bằng nhựa hình trụ, bên trong màu đỏ, bên ngoài màu sọc trắng, đen có kích thước 07 x 05 cm là của bị cáo Liêm mang theo để làm cái. Việc lắc tài xỉu bắt đầu từ khoảng 12 giờ kéo dài đến 14 giờ 30 phút ngày 08/6/2021, thì bị lực lượng Công an huyện Kế Sách bắt quả tang.

Đối với 11 bị cáo tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền lại nhà của bị cáo Phạm Thị N, cụ thể như sau:

01. Bị cáo Lê Hồng K: Khi đi lại nhà của bà Nga để chơi tài xỉu, Khanh mang theo trên người số tiền 500.000 đồng để chơi tài xỉu, tham gia đặt 05 bàn, mỗi bàn 100.000 đồng đều thua.

02. Bị cáo Lê Văn L: Khi chơi tài xỉu, Lớn mang theo số tiền 14.560.000 đồng nhưng chỉ lấy ra số tiền 910.000 đồng để chơi tài xỉu, số tiền còn lại dùng để mua cau và đóng tiền hụi, Lớn tham gia đặt 05 bàn, lúc đánh bạc thì không ăn cũng không thua.

03. Bị cáo Trang Hoàng L: Khi chơi tài xỉu, Liêm mang mang theo số tiền 150.000 đồng để chơi tài xỉu, Liêm tham gia đặt 02 bàn, bàn đầu tiên đặt 50.000 đồng thua, bàn thứ hai đặt số tiền 100.000 đồng cũng thua.

04. Bị cáo Nguyễn Văn D: Khi chơi tài xỉu, Dư mang theo số tiền 260.000 đồng để chơi tài xỉu, Dư tham gia chơi được 05-06 bàn và thua hết số tiền 250.000 đồng, còn lại 10.000 đồng đã bị tạm giữ.

05. Bị cáo Quách Trường S: Khi chơi tài xỉu, Sơn mang theo số tiền 500.000 đồng để chơi tài xỉu, Sơn tham gia chơi được 02 bàn và thua hết số tiền 400.000 đồng, còn lại **100.000 đồng**, lúc Công an đến kiểm tra bị can bỏ chạy **rót mất**.

06. Bị cáo Nguyễn Minh Đ: Khi chơi tài xỉu, Đầy mang theo số tiền 1.300.000 đồng để chơi tài xỉu, Đầy tham gia đặt 02 bàn, 01 bàn 100.000 đồng, 01 bàn 200.000 đồng thua hết số tiền 300.000 đồng, **còn lại 1.000.000 đồng** đã bị tạm giữ.

07. Bị cáo Nguyễn Văn M: Khi chơi tài xỉu, Mừng mang theo số tiền 200.000 đồng, tham gia đặt 03 bàn thua hết số tiền 200.000 đồng.

08. Bị cáo Trần Thanh L: Khi chơi tài xỉu, Liêm mang theo số tiền 15.000.000 đồng. Liêm hùn tiền với Vện để làm cái, Liêm lắc các hột xí ngẫu còn Vện giữ tiền để thu chi với những người tham gia, nhưng Vện ra tiền trước. Vào

ngày 08/6/2021, L và V hùn tiền chơi tài xỉu ăn được 2.070.000 đồng, chưa chia tiền thì bị Công an đến phát hiện, kiểm tra. Dụng cụ dùng để lắc tài xỉu gồm đĩa nhỏ, 03 hạt xí ngầu, nắp nhựa là của Liêm mang đến nhà của bị cáo N, còn các hạt xí ngầu khi Công an kiểm tra phát hiện xung quanh chiếu bạc thì không biết của ai. Sòng tài xỉu do bị cáo N tổ chức và trực tiếp lấy tiền xâu bằng cách chia đôi số tiền nhà cái bảo ăn được. Ngày 08/6/2021, bị cáo L lắc tài xỉu chưa có bảo nên chưa đưa tiền xâu cho bị cáo N. Ngoài ra, bị cáo L còn khai nhận vào ngày 07/6/2021, L cũng đến nhà vợ chồng ông Đ chơi lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền, L cũng làm cái lắc tài xỉu, Sòng tài xỉu chơi từ khoảng 13 giờ đến 17 giờ, L không nhớ là lắc tổng cộng được bao nhiêu bàn, trong lúc làm cái lắc tài xỉu thì bảo được 02 lần, lần thứ nhất ăn được 300.000 đồng, chia tiền xâu trực tiếp cho bị cáo N 150.000 đồng, lần thứ hai bảo ăn được 400.000 đồng, chia tiền xâu trực tiếp cho bị cáo N 200.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo L đưa cho bị cáo N là **350.000 đồng**.

09. Bị cáo Lê Văn V: Khi chơi tài xỉu, V mang theo số tiền 35.000.000 đồng nhưng chỉ lấy ra số tiền 5.000.000 đồng để chơi tài xỉu, V hùn tiền với L làm cái.

10. Bị cáo Trần Phước H: Khi chơi tài xỉu, H mang theo số tiền 1.400.000 đồng, tham gia đặt bao nhiêu bàn thì ông H không nhớ chính xác, thua hết số tiền 1.400.000 đồng.

11. Bị cáo Diệp Thị Hồng C: Khi chơi tài xỉu, C mang theo số tiền 250.000 đồng dùng để chơi tài xỉu, C tham gia đặt 02 bàn thua hết số tiền 100.000 đồng. Khi lập biên bản, kiểm tra thì tạm giữ số tiền 102.000 đồng, số tiền còn lại để trên chiếu bạc, khi Công an đến không biết ai gom mất.

12. Bị cáo Phạm Thị N: Trong quá trình điều tra, bị cáo N không thừa nhận việc tổ chức cho người khác chơi tài xỉu, ăn thua bằng tiền tại nhà của mình. Bị cáo N trình bày không biết việc có nhiều người đến nhà chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền, bị cáo N và ông Đ không cho chơi tài xỉu trong nhà và cũng không có lấy tiền xâu. Cửa rào khóa thì N cho rằng nhà có nuôi chó, sợ chó ra ngoài cắn người, còn xây hàng rào cao và gắn camera là để chống trộm.

Tuy nhiên, trong giai đoạn truy tố bà bị cáo N khai nhận do trình độ học vấn thấp (4/12), nên không nhận thức được việc dùng địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý của vợ chồng để cho nhiều người (trên 10 người) đánh bạc. Đồng thời, bị cáo N khai có nhận số tiền 350.000 đồng của bị cáo Trần Thanh L vào ngày 07/6/2021, khi cái bảo 02 lần được 700.000 đồng, nên L chia cho N 350.000 đồng. N khai nhận lấy số tiền 350.000 đồng của L đưa và dùng vào việc mua bia, mời để sẵn trong nhà cho những người đến chơi ăn, uống miễn phí. Trong ngày 08/6/2021, tại nhà của bị cáo N có 11 đối tượng tham gia chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền thì bị Công an đến phát hiện, kiểm tra lập biên bản vi phạm.

Như vậy, trong quá trình điều tra, xác định vào ngày 08/6/2021, tại nhà của vợ chồng bị cáo Phạm Thị N, có 11 bị cáo tham gia đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là **25.470.000 đồng** (hai mươi lăm triệu, bốn trăm, bảy mươi nghìn đồng).

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 07-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

2. Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng K, Nguyễn Văn D, Quách Trường S, Trang Hoàng L, Trần Thanh L, Lê Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Đ, Trần Phước H, **Diệp Thị Hồng C** và Lê Văn L phạm tội “Đánh bạc”.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Thị N, xử phạt bị cáo N số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000.000 đồng, mà bị cáo N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001780, ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị cáo N đã nộp tiền phạt xong, hoàn trả cho bị cáo N số tiền chênh lệch 100.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền này.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với hai bị cáo Quách Trường Svà Nguyễn Văn M.

4.1. Xử phạt bị cáo Quách Trường S số tiền 30.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng, mà bị cáo S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001815, ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị cáo S đã nộp tiền phạt xong.

4.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 25.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng, mà bị cáo M đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001817, ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị cáo M đã nộp tiền phạt xong, hoàn trả cho bị cáo M số tiền chênh lệch 5.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền này.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn D, xử phạt bị cáo D 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 5 Điều 65 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Hồng K, xử phạt bị cáo K01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm tù của bản án số 10/2018/HSST, ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, buộc bị cáo K chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với hai bị cáo Trần Thanh L và Lê Văn V, xử phạt bị cáo L và bị cáo



V mỗi bị cáo 11 (Mười một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 07/6/2022).

7.1. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7.2. Giao hai bị cáo Trần Thanh L và Lê Văn V cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với các bị cáo Trang Hoàng L, Nguyễn Minh Đ, Trần Phước H và Lê Văn L. Xử phạt các bị cáo L, Đ, H và L mỗi bị cáo 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 07/6/2022).

8.1. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

8.2. Giao hai bị cáo Trang Hoàng L và Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

8.3. Giao hai bị cáo Nguyễn Minh Đ và Trần Phước H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm s và i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với bị cáo **Diệp Thị Hồng C**. Xử phạt bị cáo C 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 07/6/2022).

9.1. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.



9.2. Giao bị cáo Diệp Thị Hồng C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

\* Đến ngày 21-6-2022, bị cáo Lê Hồng K kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

\* Đến ngày 06-7-2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng kháng nghị một phần Bản án số 24/2022/HS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng về phần hình phạt. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng: áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo Phạm Thị N và Quách Trường S.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Hồng K giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ nguyên kháng nghị số 06/QĐ-VKS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào áp dụng điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa bản án sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Phạm Thị N từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù và Quách Trường S từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Hồng K đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 giảm hình phạt tù cho bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Hồng K lập ngày 21-6-2022 và được nộp trực tiếp tại trụ sở Tòa án cấp sơ thẩm; Đối với kháng nghị số 06/QĐ-VKS-ST, ngày 06-7-2022 là đúng quy định về người kháng cáo, kháng nghị, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo, kháng nghị theo quy định của các điều 331, 332, 333, 336 và điều 338 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Hồng K về việc xin được giảm nhẹ hình phạt và kháng nghị áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Phạm Thị N và Quách Trường S.

[2]. Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322, các bị cáo Lê Hồng K, Quách Trường S phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Hồng K, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuy nhiên bị cáo K đã có tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới nên phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo K01 năm 03 tháng tù là phù hợp với mức độ, tính chất hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không nêu lên được những tình tiết giảm nhẹ nào khác để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra do bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 04 năm kể từ ngày 08/6/2018 theo bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 08-6-2018, trong thời gian thử thách bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo còn chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo khoản 5 Điều 65 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là 03 năm 03 tháng tù là đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng nghị số 06/QĐ-VKS-ST, ngày 06-7-2022 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Phạm Thị N có hành vi tổ chức cho 11 bị cáo trong vụ án đánh bạc với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 25.470.000 đồng, bị cáo chỉ có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Quách Trường S đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính (Theo Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính), nay lại tiếp tục đánh bạc với số tiền dùng để đánh bạc 500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị N về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 321 và bị cáo Quách Trường S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với hai bị cáo là chưa đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, từ đó quyết định hình phạt

không tương xứng với hành vi phạm tội giữa các bị cáo trong cùng vụ án, chưa đảm bảo tính bình đẳng trong việc áp dụng pháp luật. Trong khi cả 02 bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ như nhau, bị cáo S có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc, số tiền dùng đánh bạc 500.000 đồng là cao hơn số tiền dùng để đánh bạc của 02 bị cáo Trang Hoàng L là 150.000 đồng và bị cáo Diệp Thị Hồng C là 250.000 đồng, mặt khác bị cáo L và bị cáo C đều có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo L 08 tù nhưng cho hưởng án treo và bị cáo C 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đây là loại hình phạt nặng hơn mức hình phạt của bị cáo N và bị cáo S.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 06/QĐ-VKS-ST, ngày 06-7-2022 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sửa một phần án sơ thẩm theo hướng phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Phạm Thị N và Quách Trường S.

[6]. Về án phí hình phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Lê Hồng K không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Đối với bị cáo Phạm Thị N và Quách Trường S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Hồng K;

2. Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Thị N và bị cáo Quách Trường S.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Hồng K. Giữ nguyên phần quyết định hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 07-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đối với bị cáo Lê Hồng K.

- Chấp nhận kháng nghị số 06/QĐ-VKS-ST, ngày 06-7-2022 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 24/2022/HS-ST ngày 07-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đối với bị cáo Phạm Thị N và bị cáo Quách Trường S.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 5 Điều 65 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm tù của bản án số 10/2018/HSST, ngày 08-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo K chấp hành hình phạt

chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 01 năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị N số tiền 300.000.000 đồng, mà bị cáo N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001780, ngày 01-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Quách Trường S 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Trả lại cho bị cáo Quách Trường S số tiền 30.000.000 đồng, mà bị cáo S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001815, ngày 06-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lê Hồng K phải nộp 200.000 đồng.

- Các bị cáo Phạm Thị N và Quách Trường S không phải chịu án phí phúc thẩm.

7. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện K (02);
- VKSND huyện K (01);
- CQĐT - Công an huyện K (01);
- CQTHAHS-Công an huyện K (01);
- Chi cục THADS huyện K (01);
- Bị cáo (01).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Định**

